TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Ông Đinh Văn Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Ph (S), sinh năm: 1964; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 22/01/2018 , trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn Ph trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Tr tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 1982, đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, chị Tr ham mê cờ bạc nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Tr có 04 con chung: Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 29/7/1988, Trần Thị Pha L, sinh ngày 17/7/1986, Trần Quốc H, sinh ngày 26/11/1991 và Trần Quốc B, sinh ngày 21/7/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ph.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và nội dung vụ án như sau:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định tại các Điều 48, 49, 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn chị Nguyễn Thị Tr cư trú: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn Ph không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[3] Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tr nhưng chị Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Tr.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Anh Trần Văn Ph và chị Nguyễn Thị Tr đã tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng kể từ năm 1982. Mặc dù cả hai không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 quy định "a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình", Nghị quyết số 35/2000/QH10 chưa bị thay thế, bãi bỏ nên vẫn còn giá trị pháp lý. Do đó quan hệ vợ chồng của anh Ph và chị Tr là hôn nhân thực tế. Nay anh Ph có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Ph đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, chị Tr ham mê cờ bạc nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Khi anh Ph có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho chị Tr nhưng chị Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ph, các lần hòa giải và tại phiên tòa chị Tr vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy chị Tr đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị và anh Ph. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh Ph được ly hôn với chị Tr là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống anh Ph và chị Tr có 04 con chung: Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 29/7/1988, Trần Thị Pha L, sinh ngày 17/7/1986, Trần Quốc H, sinh ngày 26/11/1991 và Trần Quốc B, sinh ngày 21/7/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Trần Văn Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Ph: Cho anh Trần Văn Ph được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tr.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15244 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy

.